

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-34



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 thuộc Tổng Công ty Sông Đà được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002 Ban quản lý chuyển thành Nhà máy thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/03/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Ngọc Phiếm	Chủ tịch	
Ông Đỗ Văn Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Nguyễn Tiến Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Đào Quang Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Trần Thế Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Bùi Vi Dương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Phùng Xuân Hưng	Phó Giám đốc
Ông Bùi Trọng Cảnh	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thanh Lệ	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2016
Bà Lê Hứa Thúy Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Quách Mạnh Hải	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Vũ Tiến Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đỗ Văn Hà

Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Số: 309 /2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu được lập ngày 10 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.602.154.336	36.448.040.896
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.653.065.468	19.098.069.668
111	1. Tiền		1.153.065.468	19.098.069.668
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.798.070.368	16.335.165.323
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	13.963.292.316	14.290.015.321
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.493.821.450	1.540.464.223
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	340.956.602	504.685.779
140	IV. Hàng tồn kho	8	1.151.018.500	807.217.947
141	1. Hàng tồn kho		1.151.018.500	807.217.947
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	207.587.958
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	24.545.318
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	183.042.640
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		469.207.257.318	511.531.084.926
220	II. Tài sản cố định		439.306.633.801	477.332.934.293
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	439.306.633.801	477.332.934.293
222	- Nguyên giá		706.674.935.402	706.674.935.402
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.368.301.601)	(229.342.001.109)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	1.662.536.485	1.662.536.485
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.662.536.485	1.662.536.485
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	26.974.916.530	32.535.614.148
251	1. Đầu tư vào công ty con		30.600.000.000	30.600.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.625.083.470)	(64.385.852)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.263.170.502	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.263.170.502	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		492.809.411.654	547.979.125.822

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		217.291.958.104	275.625.612.743
310	I. Nợ ngắn hạn		51.589.327.413	55.542.982.052
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		335.139.957	2.770.840.526
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	17.600.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.443.428.305	2.421.277.504
314	4. Phải trả người lao động		2.215.052.000	1.589.908.164
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	243.401.316	34.800.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	3.664.079.545	4.591.509.759
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	42.076.813.917	43.957.495.316
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		611.412.373	159.550.783
330	II. Nợ dài hạn		165.702.630.691	220.082.630.691
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	165.702.630.691	220.082.630.691
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		275.517.453.550	272.353.513.079
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	275.517.453.550	272.353.513.079
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		209.999.000.000	209.999.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.999.000.000	209.999.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(468.780.000)	(468.780.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		32.135.208.453	27.009.474.726
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.819.346.431	35.781.139.687
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.853.734.170	3.745.303.891
421b	LNST chưa phân phối năm nay		29.965.612.261	32.035.835.796
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		32.678.666	32.678.666
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		492.809.411.654	547.979.125.822


Trần Ngọc Anh
Người lập

Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Hà
Giám đốc

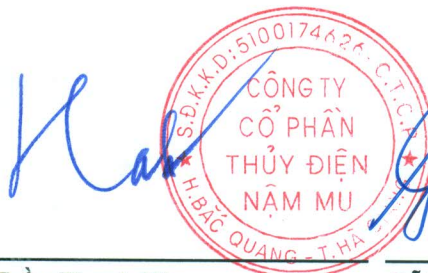
Hà Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2017


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	160.090.016.285	163.672.862.889
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.090.016.285	163.672.862.889
11	4. Giá vốn hàng bán	19	92.063.142.627	91.931.782.505
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.026.873.658	71.741.080.384
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	244.050.999	74.444.967
22	7. Chi phí tài chính	21	27.531.357.977	31.183.402.970
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.970.445.801	29.704.409.098
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	7.913.226.123	9.176.383.899
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.826.340.557	31.455.738.482
31	11. Thu nhập khác	23	47.405.855	5.142.068.342
32	12. Chi phí khác	24	533.448.707	2.721.386.461
40	13. Lợi nhuận khác		(486.042.852)	2.420.681.881
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.340.297.705	33.876.420.363
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	2.374.685.444	1.840.584.567
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>29.965.612.261</u>	<u>32.035.835.796</u>



Trần Ngọc Anh
Người lập




Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		32.340.297.705	33.876.420.363
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		38.026.300.492	38.463.465.789
03	- Các khoản dự phòng		5.560.697.618	(1.191.179.771)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(243.966.249)	51.487.757
06	- Chi phí lãi vay		21.970.445.801	29.704.409.098
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		97.653.775.367	100.904.603.236
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		744.682.913	(1.387.227.725)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(343.800.553)	10.219.133.065
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.605.368.333)	(45.023.887.703)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.263.170.502)	254.801.746
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	404.914.857
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.800.793.947)	(34.613.850.670)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.499.721.555)	(1.658.628.990)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		122.102.600	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.272.032.800)	(2.329.359.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		68.735.673.190	26.770.498.816
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	7.575.435.043
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		243.966.249	41.540.512
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		243.966.249	7.616.975.555
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	29.999.920.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		-	168.173.110.576
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(56.260.681.399)	(218.596.741.253)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(25.163.962.240)	(755.998.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(81.424.643.639)	(21.179.708.677)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.445.004.200)	13.207.765.694

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.098.069.668	5.890.303.974
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>6.653.065.468</u>	<u>19.098.069.668</u>



Trần Ngọc Anh
Người lập



Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 thuộc Tổng Công ty Sông Đà được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002 Ban quản lý chuyển thành Nhà máy thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/03/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 209.999.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 209.999.000.000 đồng; tương đương 20.999.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện thương phẩm, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn, xây lắp các công trình điện; Xây dựng, sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại.

Công ty có 01 công ty con là: Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, tại Hà Nội và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, xây lắp.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

01
CÔ
NH
IG K
A/
KIE

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

1105-C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
NẬM MU
SC
TP. H. P.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11/07/2003 và theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy thủy điện Nậm Mu được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2016 là năm thứ 13 Nhà máy được hưởng ưu đãi thuế suất 10% và là năm thứ 09 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần được UBND Tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 102110000002 ngày 27/02/2007 và theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy thủy điện Nậm Ngần được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 04 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
 (84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	812.581.547	1.763.894.164
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	340.483.921	17.334.175.504
Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	-
	<u>6.653.065.468</u>	<u>19.098.069.668</u>

(*) Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 5.500.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại Cổ phần Công Thương - Chi nhánh Hà Giang với lãi suất từ 4,5 %/năm đến 5,2 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	30.600.000.000	(5.625.083.470)	30.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây đô	30.600.000.000	(5.625.083.470)	30.600.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000	(64.385.852)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	(64.385.852)
	32.600.000.000	(5.625.083.470)	32.600.000.000	(64.385.852)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2016 là 200.000 cổ phần tương đương 0,015% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.

b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây đô	Hà Nội	75,90%	75,90%	Kinh doanh bất động sản, xây lắp

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	13.963.292.316	14.114.391.370
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	169.080.251
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	6.543.700
	13.963.292.316	14.290.015.321
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	169.080.251
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.		

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ hàn và xử lý	125.218.500	-	108.000.000	-
Công ty CP nghiên cứu và thí nghiệm	-	-	495.000.000	-
Công ty CP điện công nghiệp IEC	-	-	139.194.000	-
Công ty TNHH Thiết Bị Điện Á Châu	782.699.000	-	-	-
Công ty CP Ứng dụng và PT Công nghệ Thông Tin	164.890.000	-	-	-
Công ty TNHH Nam Anh	387.353.950	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	33.660.000	-	798.270.223	-
	1.493.821.450	-	1.540.464.223	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	197.801.278	-	329.772.255	-
Phải thu khác	143.155.324	-	174.913.524	-
	340.956.602	-	504.685.779	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.151.018.500	-	540.800.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.060.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	263.357.947	-
	1.151.018.500	-	807.217.947	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công trình Thủy Điện Sông Chảy	1.662.536.485	1.662.536.485
	1.662.536.485	1.662.536.485

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.263.170.502	-
	1.263.170.502	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
 (84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	522.774.591.836	182.028.016.968	1.814.781.143	57.545.455	706.674.935.402
Số dư cuối năm	522.774.591.836	182.028.016.968	1.814.781.143	57.545.455	706.674.935.402
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	153.381.336.563	74.213.449.740	1.694.464.801	52.750.005	229.342.001.109
- Khấu hao trong năm	23.759.336.424	14.199.394.866	62.773.752	4.795.450	38.026.300.492
Số dư cuối năm	177.140.672.987	88.412.844.606	1.757.238.553	57.545.455	267.368.301.601
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	369.393.255.273	107.814.567.228	120.316.342	4.795.450	477.332.934.293
Tại ngày cuối năm	345.633.918.849	93.615.172.362	57.542.590	-	439.306.633.801

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 439.095.367.559 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.143.851.479 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.160.955.149	14.328.552.511	14.498.341.027	-	991.166.633
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.059.405.429	2.374.685.444	2.499.721.555	-	934.369.318
Thuế Thu nhập cá nhân	-	111.676.299	312.435.541	384.744.290	-	39.367.550
Thuế Tài nguyên	183.042.640	-	10.443.337.915	9.783.540.471	-	476.754.804
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	361.380	361.380	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	4.064.000	4.064.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	89.240.627	-	87.470.627	-	1.770.000
	183.042.640	2.421.277.504	27.466.436.791	27.261.243.350	-	2.443.428.305

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	243.401.316	-
- Chi phí phải trả khác	-	34.800.000
	<u>243.401.316</u>	<u>34.800.000</u>

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	452.385	326.859.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.870.260	83.952.500
- Phải trả lãi vay	577.226.589	650.976.051
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	1.814.208.503	2.530.276.522
- Quỹ bảo vệ môi trường rừng - Tỉnh Hà Giang	555.597.940	171.954.320
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	596.723.868	827.491.366
	<u>3.664.079.545</u>	<u>4.591.509.759</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	5.919.353.740	5.919.353.740	-	1.102.539.823	4.816.813.917	4.816.813.917
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô ⁽¹⁾	5.919.353.740	5.919.353.740	-	1.102.539.823	4.816.813.917	4.816.813.917
Nợ dài hạn đến hạn trả	38.038.141.576	38.038.141.576	37.260.000.000	38.038.141.576	37.260.000.000	37.260.000.000
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt ⁽²⁾	10.000.000.000	10.000.000.000	14.760.000.000	10.000.000.000	14.760.000.000	14.760.000.000
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Hà Giang ⁽³⁾	28.038.141.576	28.038.141.576	22.500.000.000	28.038.141.576	22.500.000.000	22.500.000.000
	43.957.495.316	43.957.495.316	37.260.000.000	39.140.681.399	42.076.813.917	42.076.813.917
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt ⁽²⁾	95.150.161.691	95.150.161.691	-	14.920.000.000	80.230.161.691	80.230.161.691
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Hà Giang ⁽³⁾	162.970.610.576	162.970.610.576	-	40.238.141.576	122.732.469.000	122.732.469.000
	258.120.772.267	258.120.772.267	-	55.158.141.576	202.962.630.691	202.962.630.691
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(38.038.141.576)	(38.038.141.576)	(37.260.000.000)	(38.038.141.576)	(37.260.000.000)	(37.260.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	220.082.630.691	220.082.630.691			165.702.630.691	165.702.630.691

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Căn cứ hợp đồng tín dụng số 01.NM.TD/14/NT ngày 01/01/2014 và Phụ lục hợp đồng ngày 01/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu và Công ty CP Sông Đà Tây Đô, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: Theo từng khế ước nhận nợ;
- + Mục đích vay: Vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh ;
- + Thời hạn của hợp đồng: trong vòng 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Khoản vay với Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng số 109/2011.HDTD-DN ngày 07/04/2011, phụ lục số 01 ngày 30/11/2011, phụ lục hợp đồng số 03 ngày 25/01/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay tối đa: 110.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm An;
- + Thời hạn cho vay: 120 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Theo quy định của BAOVIETBANK tại thời điểm giải ngân, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 9,8%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay là giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và máy móc thiết bị của dự án thủy điện Nậm An;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 80.230.161.691 đồng, nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 14.760.000.000 đồng.

(3) Khoản vay với Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 167.970.610.576 đồng;
- + Mục đích vay: Tái tài trợ khoản vay dài hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng để đầu tư các dự án thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần;
- + Thời hạn cho vay: 70 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng tối đa không quá ngày 07/04/2021;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 9,8 %/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Nhà máy thủy điện Nậm Ngần, và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 122.732.469.000 đồng, nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 22.500.000.000 đồng.

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay	4.816.813.917	-	5.919.353.740	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô (*)	4.816.813.917	-	5.919.353.740	-
	4.816.813.917	-	5.919.353.740	-

Ghi chú:

(*) Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	149.999.890.000	(204.360.000)	23.941.152.156	22.772.457.264	32.678.666	196.541.818.086
Tăng vốn trong năm trước	59.999.110.000	(264.420.000)	-	-	-	59.734.690.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	32.035.835.796	-	32.035.835.796
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.068.322.570	(19.027.153.373)	-	(15.958.830.803)
Số dư cuối năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	27.009.474.726	35.781.139.687	32.678.666	272.353.513.079
Số dư đầu năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	27.009.474.726	35.781.139.687	32.678.666	272.353.513.079
Lãi trong năm nay	-	-	-	29.965.612.261	-	29.965.612.261
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.125.733.727	(31.927.405.517)	-	(26.801.671.790)
Số dư cuối năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	33.819.346.431	32.678.666	275.517.453.550

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐ/16 ngày 18 tháng 05 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	32.035.835.796
Trích Quỹ đầu tư phát triển	16,00%	5.125.733.727
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	1.601.791.790
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	78,66%	25.199.880.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,34%	108.430.279

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	51,00%	107.100.000.000	51,00%	107.100.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	23,44%	49.220.600.000	12,02%	25.235.800.000
Các cổ đông khác	25,56%	53.678.400.000	36,98%	77.663.200.000
	100%	209.999.000.000	100%	209.999.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	209.999.000.000	209.999.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	209.999.000.000	149.999.890.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	59.999.110.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	209.999.000.000	209.999.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.199.880.000	14.999.980.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	25.199.880.000	14.999.980.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.999.900	20.999.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.999.900	20.999.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.999.900	20.999.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	32.135.208.453	27.009.474.726
	32.135.208.453	27.009.474.726

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngoại tệ các loại		
	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	73,14	78,34
- Đồng Euro (EUR)	61,27	83,24

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	159.799.585.665	158.666.828.091
Doanh thu hoạt động xây lắp	229.430.620	3.074.188.372
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	61.000.000	1.931.846.426
	160.090.016.285	163.672.862.889
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)	229.430.620	3.074.188.372

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn điện thương phẩm đã bán	91.799.784.680	82.837.370.866
Giá vốn của hoạt động xây lắp	263.357.947	6.271.639.290
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	-	2.822.772.349
	92.063.142.627	91.931.782.505

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	243.966.249	41.540.512
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	84.750	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	32.904.455
	244.050.999	74.444.967

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.970.445.801	29.704.409.098
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.560.697.618	(843.264.914)
Chi phí tài chính khác	214.558	2.322.258.786
	27.531.357.977	31.183.402.970

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	644.401.764	1.504.264.937
Chi phí nhân công	4.769.364.590	5.669.817.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.569.202	114.584.640
Thuế, phí, lệ phí	104.967.036	148.513.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.514.258	237.249.573
Chi phí khác bằng tiền	2.063.409.273	1.501.953.539
	<u>7.913.226.123</u>	<u>9.176.383.899</u>

23 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập từ tiền dịch vụ môi trường rừng các năm trước	-	5.089.601.960
Thu nhập khác	47.405.855	52.466.382
	<u>47.405.855</u>	<u>5.142.068.342</u>

24 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	322.778.560
Các khoản chậm nộp	356.571.837	2.225.873.651
Chi phí khấu hao TSCĐ dừng hoạt động	22.662.504	172.734.250
Chi phí khác	154.214.366	-
	<u>533.448.707</u>	<u>2.721.386.461</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MUXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.340.297.705	33.876.420.363
Các khoản điều chỉnh tăng	4.625.033.719	4.990.473.509
- Chi phí không hợp lệ	4.625.033.719	4.167.543.138
- Các khoản trích trước vào chi phí năm nay nhưng chưa thanh toán	-	822.930.371
Các khoản điều chỉnh giảm	(822.930.371)	(9.256.645.918)
- Các khoản trích trước vào chi phí năm trước, sang năm sau đã có chứng từ thanh toán	(822.930.371)	(9.256.645.918)
Thu nhập chịu thuế TNDN	36.142.401.053	29.610.247.954
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>7.228.480.211</u>	<u>6.514.254.550</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(4.899.499.591)	(4.812.136.733)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	45.704.824	138.466.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.059.405.429	877.449.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.499.721.555)	(1.658.628.990)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>934.369.318</u>	<u>1.059.405.429</u>

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.135.215.352	10.774.400.398
Chi phí nhân công	18.333.021.689	19.511.335.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.003.637.988	38.463.465.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.801.712.367	8.986.705.664
Chi phí khác bằng tiền	17.439.423.407	14.345.449.317
	<u>99.713.010.803</u>	<u>92.081.356.780</u>

3111
CÔNG
CH NHIỆM
NG KIỂM
AA
KIỂM

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	6.653.065.468	-	19.098.069.668	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.304.248.918	-	14.794.701.100	-
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	(64.385.852)
	22.957.314.386	-	35.892.770.768	(64.385.852)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			207.779.444.608	264.040.126.007
Phải trả người bán, phải trả khác			3.999.219.502	7.362.350.285
Chi phí phải trả			243.401.316	34.800.000
			212.022.065.426	271.437.276.292

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
 (84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.653.065.468	-	-	6.653.065.468
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.304.248.918	-	-	14.304.248.918
Đầu tư dài hạn	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
	20.957.314.386	2.000.000.000	-	22.957.314.386
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.098.069.668	-	-	19.098.069.668
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.794.701.100	-	-	14.794.701.100
Đầu tư dài hạn	-	1.935.614.148	-	1.935.614.148
	33.892.770.768	1.935.614.148	-	35.828.384.916

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	42.076.813.917	165.702.630.691	-	207.779.444.608
Phải trả người bán, phải trả khác	3.999.219.502	-	-	3.999.219.502
Chi phí phải trả	243.401.316	-	-	243.401.316
	46.319.434.735	165.702.630.691	-	212.022.065.426
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	43.957.495.316	220.082.630.691	-	264.040.126.007
Phải trả người bán, phải trả khác	7.362.350.285	-	-	7.362.350.285
Chi phí phải trả	34.800.000	-	-	34.800.000
	51.354.645.601	220.082.630.691	-	271.437.276.292

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	-	168.173.110.576
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	(56.260.681.399)	(218.596.741.253)

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MỤXã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Doanh thu		229.430.620	3.074.188.372
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	229.430.620	3.074.188.372

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		-	169.080.251
Công ty CP Sông Đà 9	Công ty mẹ	-	169.080.251
Phải trả khác		1.814.208.503	2.530.276.522
Công ty CP Sông Đà Tây đô	Công ty con	1.814.208.503	2.530.276.522

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.158.634.000	1.498.365.000

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Ngọc Anh
Người lập



Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hà
Giám đốc



Hà Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2017